| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 3 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Huỳnh Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trần Hùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Tú Ph, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Thới A, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Thới A, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Ph trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Bà Ph và ông Th chung sống năm 1986, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Th thường dùng vũ lực đánh bà. Gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay bà Ph xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông Th nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống bà Ph và ông Th có 03 con chung gồm: Nguyễn H Q, sinh ngày 18/01/1987, Nguyễn Vũ H, sinh ngày 16/01/1989 và Nguyễn Diễm M, sinh ngày 27/10/1991, hiện tại các con đã trưởng thành, bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Ph yêu cầu được tự thỏa thuận với ông Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ph xác định không có.

* *Đối với ông Nguyễn Văn Th:* Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà Ph nhưng ông Th không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Tú Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ph thấy rằng: Bà Ph và ông Th chung sống năm 1986 không đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC, VKSNDTC, BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Cần chú ý là trong trường hợp sau khi quan hệ vợ chồng đã được xác lập họ mới thực hiện việc đăng ký kết hôn, thì quan hệ vợ chồng của họ vẫn được công nhận kể từ ngày xác lập (ngày họ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng), chứ không pH là chỉ được công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn." Theo điều luật viện dẫn trên thì dù bà Ph và ông Th chung sống không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ giữa bà Ph và ông Th vẫn được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

Bà Ph cho rằng do bất đồng quan điểm nên đã ly thân với ông Th nhiều năm nay. Từ nguyên nhân trên, bà Ph xác định tình trạng hôn nhân của ông, bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông Th. Ông Th không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà Ph.

Xét yêu cầu của Ph, thấy rằng: Bà Ph yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử ông Th đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông Th không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Ph, cho bà Ph được ly hôn với ông Th là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Các con chung của bà Ph và ông Th đã trưởng thành, không ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà Ph yêu cầu được tự thỏa thuận phân chia với ông Th, không yêu cầu tòa án giải quyết; ông Th không có ý kiến gì về vấn đề này nên

không đặt ra xem xét. Khi có phát sinh tranh chấp về vấn đề này nếu đương sự có yêu cầu khởi kiện sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ: Bà Ph xác định không có, ông Th không có ý kiến nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Ph không pH chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tú Ph. Cho bà Phan Tú Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Tú Ph được miễn toàn bộ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
**Huỳnh Ngọc Mai**